

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng khu vực
hạ lưu sông Kôn, diện tích 5,0 ha thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước,
tỉnh Bình Định (giai đoạn 1) của Công ty TNHH Việt Tân Lực**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng khu vực hạ lưu sông Kôn, diện tích 5,0 ha thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1) của Công ty TNHH Việt Tân Lực tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM dự án ngày 01/11/2019;

Xét nội dung báo cáo ĐTM của dự án Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng khu vực hạ lưu sông Kôn, diện tích 5,0 ha thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 40/CVHT-VTL ngày 26/11/2019 của Công ty TNHH Việt Tân Lực;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1035/TTr-SNTMT ngày 05/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng, diện tích 5,0 ha (Giai đoạn 1) của Công ty TNHH Việt Tân Lực được thực hiện tại khu vực hạ lưu sông Kôn, thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM tại UBND xã Phước Sơn theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về Bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Sơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án: Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng khu
vực hạ lưu sông Kôn, diện tích 5,0ha thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy
Phước, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1) của Công ty TNHH Việt Tân Lực
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- Tên Dự án: “Nạo vét khơi thông dòng chảy, kết hợp thu hồi cát xây dựng tại khu vực hạ lưu sông Kôn, diện tích 5,0 ha thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)”.
 - Chủ dự án: CÔNG TY TNHH VIỆT TÂN LỰC.
 - Địa chỉ liên lạc: Lô 601, đường số 24, thôn Nhơn Phước, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
 - Quy mô, công suất nạo vét:
 - + Tổng diện tích nạo vét: 5,0 ha;
 - + Cos kết thúc quá trình nạo vét là: -1,5 m;
 - + Khối lượng nạo vét: 60.803 m³ cát (tương đương 68.403 m³ cát nguyên khai với hệ số nở rời là 1,125);
 - + Thiết bị nạo vét: Sử dụng 03 sà lan có gắn bơm hút với công suất là 65 tấn cát/giờ
 - + Thời gian hoạt động hàng ngày: 08h/ngày (từ 7 giờ - 11 giờ 30 phút và từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ); không nạo vét vào các thời điểm bà con lấy nước vào hồ nuôi trồng thủy sản (triều lên cao).
 - + Thời gian thi công nạo vét: từ năm 2019 đến năm 2020
 - Công nghệ nạo vét: Cát -> sà lan + bơm hút --> bãi tập kết.
- Thuyết minh: Cát được hút lên sà lan nhờ hệ thống máy bơm đặt ngay trên sà lan, khi sà lan đầy cát sẽ di chuyển đến vị trí bãi tập kết trước khi san lấp (sử dụng máy đào để xúc cát từ sà lan lên bãi tập kết).
- Phương pháp nạo vét: Nạo vét từ trên xuống dưới và từ hạ lưu đến thượng lưu.
 - Hạng mục, công trình của dự án: Xây dựng mới lán trại tạm; bãi tập kết cát.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án trong giai đoạn thi công nạo vét

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: Hoạt động dự án chủ yếu phát sinh các chất thải (bụi, chất thải rơi vãi), gây hư hỏng tuyến đường giao

thông trong quá trình vận chuyển cát từ bãi tập kết đến nơi san lấp; bụi phát sinh tại bãi tập kết cát; chất rắn lơ lửng lan truyền trong quá trình bơm hút gây đục nguồn nước, ảnh hưởng môi trường thủy sinh; sự cố sạt lở bờ bao hồ nuôi trồng thủy sản.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải sinh hoạt: Công ty sử dụng 10 công nhân trong quá trình nạo vét, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,36 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi thải phát sinh trong quá trình nạo vét, vận chuyển sản phẩm đến nơi san lấp và tại bãi tập kết cát.

- Khí thải phát sinh trong quá trình nạo vét, vận chuyển sản phẩm và quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ của các thiết bị nạo vét, phương tiện vận chuyển.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt (giấy, thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa, vỏ com hộp, ...) phát sinh khoảng 6,8 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã số CTNH: 18 02 01): Khối lượng phát sinh khoảng 20kg/năm.

- Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác (mã CTNH: 17 02 04). Tuy nhiên, được thay ở Gara nên không phát sinh tại dự án.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác (không có)

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động, dung tích ngăn chứa chất thải là 400 lít. Khi bể đầy, Công ty thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Nước tràn trên sà lan: Bố trí các lỗ thoát nước có lưới lọc 2 bên sà lan (đảm bảo nước thoát qua và giữ lại được lượng cát trên sà lan).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Trang bị khẩu trang cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực.

- Lắp hàng rào bằng tôn cao 2m xung quanh bãi tập kết; không đổ cát thành đống cao quá 03m; trường hợp gió thổi mạnh làm cát phát tán ra các khu vực lân cận và dân cư thì có giải pháp che chắn đảm bảo.

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: Chở đúng tải trọng cho phép trên tuyến đường, chở cát khô, có bạt phủ kín, không để rơi vãi.

- Hàng ngày bố trí nhân công quét dọn cát vương vãi trên đường bê tông gần khu vực dự án trong phạm vi khoảng 500m đến khu vực bãi tập kết; tưới ẩm trên đường vận chuyển và những khu vực dễ phát sinh bụi để giảm thiểu bụi phát sinh trên đường vận chuyển.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Trang bị 01 thùng đựng rác sinh hoạt 660 lít đặt tại khu vực lán trại và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương, tiến hành thu gom rác thải định kỳ và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng (đặt tại một góc của khu vực lán trại tạm) để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chúng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định. Quá thời hạn 06 tháng, trường hợp Công ty không hợp đồng được với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý thì phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét.

- Định kỳ trước 31/01 hàng năm, lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Phụ lục 4(A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác (không có:

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trực tiếp.

- Thực hiện các giải pháp để giảm ồn, rung của thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến khu vực nuôi trồng thủy sản phía Bắc và Đông Bắc dự án

- Công ty thường xuyên cập nhật chế độ thủy triều tại khu vực và cam kết không thực hiện nạo vét vào các ngày triều lên cao (thời điểm lấy nước của các hồ nuôi) nhằm giảm thiểu tác động do hoạt động nạo vét đến các hồ nuôi trồng thủy sản tại khu vực và các hộ nuôi lồng bè phía Đông Bắc dự án.

- Công ty cam kết không nạo vét vào thời điểm triều kiệt (vì thời điểm này nồng độ phát tán chất lơ lửng cao nhất và phạm vi lan truyền xa nhất); trong quá trình nạo vét, tạo hành lang, đảm bảo khoảng cách từ vị trí nạo vét đến khu vực nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè từ 100m trở lên.

c. Giảm thiểu tác động đến việc đánh bắt thủy sản của bà con ngư dân tại khu vực Dự án

Khi thi công sẽ có thả phao, cắm mốc khu vực nạo vét của dự án; công khai thông tin về thời gian, ranh giới, vị trí và các thông tin cơ bản của dự án để nhân dân được biết và tham gia giám sát, đảm bảo việc thi công không làm ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt thủy sản của bà con.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thời gian thực hiện được mô tả tại bảng sau:

	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực nạo vét				
1	Tháo dỡ phao tiêu (mốc ranh giới)	5 cái	Trả lại mặt bằng hiện trạng, không ngăn cản dòng chảy tự nhiên	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc dự án	
2	Di chuyển sà lan ra khỏi khu vực nạo vét	03 sà lan	-		
3	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực dự án.	4 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình nạo vét	Trước khi đi vào nạo vét	
4	Lấy mẫu, phân tích chất lượng nước mặt tại khu vực dự án trước khi bàn giao lại cho địa phương quản lý	02 vị trí tại hạ lưu và khu vực nuôi trồng thủy sản phía Đông Bắc dự án	Kiểm tra chất lượng nước tại khu vực dự án	Sau khi kết thúc dự án (tiến hành lấy 3 mẫu tại các thời điểm khác nhau/vị trí)	
II	Khu vực ngoài nạo vét				
5	Vệ sinh mặt đường bê tông đoạn qua khu dân cư	500 m	Giảm thiểu bụi, cát bay	Định kỳ	
6	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh	15 m ²	Trả lại mặt bằng hiện trạng cho địa phương	Triển khai và hoàn thành sau 5 ngày kể từ thời điểm kết thúc dự án	
7	Đo vẽ địa hình khu vực	5,0 ha	Đo đặc độ cao kết thúc nạo vét	Sau khi kết thúc dự án	

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 215.721.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

+ Số lần ký quỹ: 01 lần với tổng số tiền là 215.721.000 (đồng).

+ Thời điểm ký quỹ: Trước ngày đăng ký bắt đầu thi công nạo vét.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Hàng năm tiến hành quan trắc, đo đạc địa hình đồng thời giám sát chiều sâu nạo vét tránh sạt lở.

- Cập nhật chế độ thủy triều tại khu vực; không thực hiện nạo vét vào các thời điểm lấy nước của các hồ nuôi trồng thủy sản (triều lên cao).

- Thường xuyên theo dõi tình hình thủy văn khu vực để có biện pháp xử lý thích hợp đối với thiết bị, con người khi có mưa lũ lên đột xuất.

- Trước mùa mưa, thực hiện tháo dỡ mốc ranh giới và di chuyển sà lan ra khỏi khu vực nạo vét để đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Không nạo vét, thu hồi cát vào những ngày mưa.

- Nếu có sự cố thủy sản trong hồ nuôi trồng thủy sản tại khu vực chết hàng loạt do hoạt động của dự án gây ra chủ dự án phải có các phương án đền bù thỏa đáng cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

3.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (không có).

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Thiết bị thu gom nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh di động).

- Thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Giám sát nước mặt: 01 vị trí tại khu vực nuôi trồng thủy hải sản phía Đông Bắc (tần suất 01 tháng/lần) và 01 vị trí trong phạm vi dự án (tần suất 03 tháng/lần); Thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, COD, TSS, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform (quy chuẩn đối chiếu: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột: B1).

- Sau khi kết thúc nạo vét, thực hiện đo đạc, giám sát độ sâu khu vực nạo vét và thực hiện đo độ sâu khu vực nạo vét đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

- Giám sát sự cố sạt lở 02 bên bờ, định kỳ 06 tháng/lần, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước, UBND xã Phước Sơn để theo dõi, giám sát.